

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 /01/2019

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàng Thị Hồng - Bà Bùi Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 10/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1970;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu Cao Sơn 2, phường CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Bùi Đình C, sinh năm 1963;

Nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu Cao Sơn 2, CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn có xác nhận của khu phố Cao Sơn 2, phường CS, thành phố C ngày 02/10/2018 và trong các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Đình C kết hôn với nhau năm 1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau là một năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại Tổ 3, khu Cao Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay.

Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đôi khi cũng có mâu thuẫn trong cuộc sống, nhưng vợ chồng cũng đã tự khắc phục có với nhau 2 người con chung. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, lối sống không phù hợp nhau về tính cách, dẫn đến hôn nhân không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung hết sức mệt mỏi, vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, nhưng không thay đổi được, đến nay mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được tổ dân khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm của chị M dành cho anh C không còn. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị Mai yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xem xét và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Đình C có 02 con chung là Bùi Quang Ch, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1991 và Bùi Quỳnh H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2002. Khi ly hôn, con chung Bùi Quang Ch hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Quỳnh H đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Bùi Đình C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Đình C: Tòa án nhân dân thành phố C đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh C có quan điểm về hoàn cảnh kết hôn và chung sống như lời khai của chị Mai, sau đó do bạn bè tác động nên chị M mới đòi ly hôn, anh đã khuyên giải nhưng không được, tổ dân khu phố thì chưa tiến hành hòa giải.

Tại biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 22/11/2018 có sự tham gia của ông Lê Văn H1 là trưởng khu Cao Sơn 2, có nội dung như sau: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, khu Cao Sơn 2, phường CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, chị M có đơn xin ly hôn với anh C, tổ dân khu phố có biết nhưng anh chị M – C từ chối hòa giải và cương quyết xin

ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh chị M – C theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo nguyện vọng của nguyên đơn là xin được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Bùi Quỳnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp và hòa giải cho các đương sự nhiều lần nhưng đều không thành do bị đơn Bùi Đình C không có mặt, nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 10/01/2019 anh C vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Đình C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không phù hợp nhau về tính cách, dẫn đến hôn nhân không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung hết sức mệt mỏi, vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, nhưng không thay đổi được, mâu thuẫn của vợ chồng cũng

đã được tổ dân khu phố hòa giải nhưng chị M không yêu cầu hòa giải. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm của chị M dành cho anh C không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Bùi Đình C.

Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thuyết phục và khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh C, hiện tại tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M xin ly hôn anh C là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Đình C có 02 con chung là Bùi Quang Ch, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1991 và Bùi Quỳnh H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2002. Hiện tại con chung Bùi Quang Ch hiện đã trưởng thành, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Quỳnh H đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Bùi Đình C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của anh chị. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy con chung Bùi Quỳnh H con nhỏ, đang ở tuổi phát triển về tâm sinh lý nữ giới và nguyện vọng của cháu khai tại Tòa án mong muốn được ở cùng với mẹ, nên để cháu sống cùng với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển sau này của cháu. Giao cho chị M nuôi con chung Bùi Quỳnh H là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về công nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Đình C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và Bùi Quỳnh H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2002 cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Bùi Đình C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004222 ngày 12/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, 23/01/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp. C;
- Chi cục THADS tp. C
- Các đương sự
- UBND phường CS;
- Lưu hồ sơ-Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Trọng